TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 101/2019/DS-PT
Ngày 20/6/2019
V/v "Tranh chấp thừa kế"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Hoài Bình.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Lâm Đồng

Bà Nguyễn Thị Thùy Trang

***- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*:** Bà Thị Hoàng Oanh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Ông Võ Quốc Thông – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 6 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 186/2018/TLPT-DS ngày 04 tháng 12 năm 2018 về việc *"Tranh chấp thừa kế"*.

Do bản án sơ thẩm số 23/2018/DS-ST ngày 15/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện P bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 97/2019/QĐ-PT ngày 20 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

Ông **Cao Phi H;** Địa chỉ: tổ 3, ấp M, xã M, huyện P, TP. Cần Thơ.

Bà **Cao Thị N;** Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện P, TP. Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của Ông H, bà N: Bà **N** (văn bản ủy quyền ngày 26/10/2015). Địa chỉ: đường T, phường A, quận N, TP. Cần Thơ.

- *Bị đơn:* Bà **Đặng Thị Ng;**

Bà **Trần Thị X;**

Cùng địa chỉ: ấp M, xã M, huyện P, TP. Cần Thơ.

Bà X ủy quyền cho bà Ng (văn bản ủy quyền ngày 07/5/2018).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà **Cao Thị T**; Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện P, TP. Cần Thơ.

2/ Ông **Đặng Quốc K;** Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện P, TP. Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của Bà T, ông K: Bà N (văn bản ủy quyền ngày 06/6/2018).

3/ Bà **Nguyễn Thùy M;** Địa chỉ: đường số 5, khu dân cư H, phường A, quận N, Tp. Cần Thơ.

4/ Ông **Ngô Trọng P;** Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện P, TP. Cần Thơ.

5/ Ông **Vũ Thành N;** Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện P, TP. Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn - bà N trình bày:

Cha mẹ ông H và bà N là ông Đặng Thành Th (mất ngày 12/02/2015) và bà Cao Thị T kết hôn với nhau vào năm 1967. Ông Th và bà T có 02 người con chung là ông Cao Phi H và bà Cao Thị N. Ông Th và bà T chung sống với nhau từ năm 1967 đến năm 1994 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Th có người phụ nữ khác. Nên bà T bỏ về nhà mẹ ruột tại ấp T, xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ sinh sống từ năm 1994. Ông H và bà N từ nhỏ đến lớn đều chung sống với cha mẹ. Khi bà T về xã N sống thì ông H và bà N không đi theo mà ở lại chung sống với bà nội và cha.

Trong quá trình chung sống, ông Th và bà T có cùng tạo dựng được khối tài sản là phần đất có diện tích 4.598 m^2 gồm thửa 259 tờ bản đồ số 8 có diện tích 2.400 m^2 và thửa 262 có diện tích 2.198 m^2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00609 do UBND thành phố Cần Thơ cấp ngày 15/11/1993 và hai căn nhà trên đất. Đến ngày 12/02/2015, ông Th qua đời thì ông H và bà N phát hiện ông Th đã tách phần đất diện tích 648 m^2 trong khối tài sản trên cho bà Trần Thị X, bà Đặng Thị N đứng tên và phần đất có diện tích 2.173 m^2 cho bà Đặng Thị N và ông Vũ Thành N đứng tên (phần đất này bà N và ông N đã chuyển nhượng lại cho ông Ngô Trọng P). Bà X là vợ sau của ông Th, bà N là con nuôi của ông Th và bà X, ông N là chồng của bà N. Ông H và bà N yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật khối tài sản mà cha mẹ ông bà đã tạo lập trong quá trình sống chung là hai căn nhà và phần đất theo đo đạc thực tế có diện tích là 4.450 m^2 bao gồm các thửa:

1. Thửa 186 (thửa cũ là 262 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Th), tờ bản đồ số 09, diện tích 2.173 m^2, loại đất CLN nay thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03406 đứng tên ông Ngô Trọng P.

2. Thửa 354 (tách 248; thửa cũ là 258) , tờ bản đồ số 09, diện tích 648 m^2, loại đất CLN giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00033 do UBND huyện P, thành phố Cần Thơ cấp ngày 13/12/2007 đứng tên bà Trần Thị X và Đặng Thị N (có một nhà trên đất do bà Đặng Thị N đang quản lý).

3. Thửa 284 (thửa cũ là 259), tờ bản đồ số 09, diện tích là 1.629 m^2, loại đất CLN giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00609 đứng tên ông Đặng Thành Th (có một nhà trên đất do bà Trần Thị X đang quản lý) do UBND thành phố Cần Thơ cấp ngày 15/11/1993.

Ông H và bà N yêu cầu được nhận thừa kế là đất, vì ông H hiện nay không có đất ở đang phải ở nhờ trên đất của bà con, hai phần đất liền kề, thuộc thửa 259 cũ (nay là thửa 284). Ngoài ra, ông H còn yêu cầu được nhận căn nhà có diện tích 89 m^2 nằm trên thửa 284 do bà X đang quản lý để thờ cúng ông bà vì ông H là con trai duy nhất.

Người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn bà Trần Thị X trình bày:

Không đồng ý với yêu cầu của các nguyên đơn. Mẹ bà Trần Thị X và cha bà là ông Đặng Thành Th (mất ngày 12/02/2015) chung sống với nhau từ năm 1975, trước tiếp thu 15 ngày; đến ngày 19/9/1994 thì ông Th và bà X đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Cha mẹ bà là vợ chồng hợp pháp. Do bà X không thể có con nên nhận bà là con nuôi từ khi bà mới lọt lòng, có làm giấy khai sinh theo quy định. Nay bà N, ông H và bà N yêu cầu chia kế thì bà X cũng đồng ý nhưng chỉ chia phần đất đứng tên ông Đặng Thành Th, thuộc thửa 284 (tách 284), tờ bản đồ số 09, diện tích trên giấy là 1.760 m^2 theo đo đạc thực tế là 1.629 m^2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00609 do UBND thành phố Cần Thơ cấp ngày 15/11/1993, bà X chỉ thống nhất chia đất không đồng ý chia nhà. Về hàng thừa kế, bà X thừa nhận ông H và bà N là con của ông Th nên sẽ chia thừa kế cho ông H và bà N. Còn về phần bà T, bà T và ông Th đã không còn là vợ chồng từ trước năm 1975; bà T sau khi chia tay với ông Th đã có chồng và con khác nên bà không đồng ý chia thừa kế cho bà T. Bà X yêu cầu quy giá trị các kỷ phần thừa kế ra giá trị tiền, bà X sẽ nhận toàn bộ đất và thối lại giá trị tiền cho bà N và ông H.

Còn về phần đất mà ông Th đã hứa cho cháu nội là Đặng Quốc K, diện tích đất là 120 m^2 (dài 20 mét ngang 6 mét) thì nay cũng đồng ý cho ông K. Nhưng hiện nay tại vị trí đất mà trước đây hứa cho là thửa tại 354 có mộ của ông Th nên không đảm bảo diện tích trên, bà X có hai giải pháp như sau: Hoặc là sẽ di dời mộ ông Th đi chỗ khác hoặc tại thửa 354 (thửa cũ 258) bà X sẽ cắt một phần đất chỗ khác đủ 120 m^2 cho ông K. Nhưng bà chỉ tách đất cho ông K tại thửa 354 như lời ông Th đã hứa chứ không tách đất tại các thửa khác.

Về phần cây trồng trên đất, bà X không có yêu cầu bồi thường gì. Nếu trong phần đất tách ra cho ông K có cây trồng thì cho luôn ông K. Còn đối với những người khác thì nếu dính cây nào sẽ đốn cây đó.

Bị đơn bà Đặng Thị Ng trình bày:

Do bà X không thể có con nên vào năm 1982, ông Th và bà X đã nhận nuôi bà từ khi bà mới được 10 ngày tuổi, ông Th và bà X đã đi làm giấy khai sinh cho bà theo quy định pháp luật. Từ khi được nhận nuôi đến nay, bà Ng đều sống chung với ông Th và bà X tại ấp M, xã M, huyện P, thành phố Cần Thơ. Lúc nhỏ, bà thường đi chợ chung với cha tôi cũng thường gặp bà N đi chợ, cũng chào hỏi bình thường. Ông H và bà N sống chung với bà T bên xã N từ nhỏ. Đến năm 25 tuổi, ông H mới về bên M sống chung với bà nội, cô chín là Nguyễn Thị H và lấy vợ. Thống nhất với ý kiến của bà X. Đồng ý chia thừa kế nhưng chỉ chia phần đất đứng tên cha bà là ông Đặng Thành Th, thuộc thửa 284 (thửa cũ 259) diện tích theo đo đạc thực tế là 1.629 m^2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00609 do UBND thành phố Cần Thơ cấp ngày 15/11/1993. Bà không đồng ý chia thừa kế cho bà N, còn ông H và bà N là con của ông Th nên bà đồng ý chia thừa kế đất. Còn về phần nhà bà cũng không đồng ý chia. Thống nhất ý kiến về phần giải quyết cây trồng trên đất của bà X.

Nhà tại thửa 284 mà bà Trần Thị X đang ở cất ngày 26/9/2011. Nhà là do ông Đặng Thành Th và bà Trần Thị X bỏ tiền ra cất. Thời điểm bấy giờ nhà xây với giá là 60.000.000 đồng. Từ lúc xây đến giờ không sửa chữa thay đổi gì cả. Nhà tại thửa đất 354 cất tháng 11/2003, hiện nay bà Ng đang ở cùng chồng con, nguồn gốc tiền để cất nhà là 01 phần tiền của cha mẹ bà; một phần là của bà Ng, bà bỏ ra số tiền là 15.000.000 đồng. Sau đó đến khoảng năm 2010, có sửa chữa nhà sau khoảng 10.000.000 đồng thì bà Ng bỏ ra 5.000.000 đồng còn cha mẹ bà bỏ ra 5.000.000 đồng, tổng cộng bà đã bỏ ra 20.000.000 đồng.

Ổng Th lúc còn sống có cho bà và chồng bà 01 phần đất phần đất có diện tích 2.173 m^2, và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03287 ngày 29/10/2015. Đây là phần đất bà sở hữu hợp pháp. Nên bà không đồng ý nhập vào khối tài sản chung như lời các nguyên đơn yêu cầu.

Về phần đất mà ông Th đã hứa cho cháu nội là Đặng Quốc K, diện tích đất là 120 m^2, thì nay cũng đồng ý cho ông K. Sau khi chia thừa kế xong bà sẽ lấy phần đất mà bà nhận được để chia cho ông K theo đúng diện tích trong Giấy thỏa thuận "V/v chuyển quyền sử dụng đất" ngày 25/11/2007 là 120 m^2, ngang 6 mét dài 20 mét.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Đại diện theo ủy quyền của bà N – luật sư N trình bày:

Bà Cao Thị T và ông Đặng Thành Th (chết ngày 12/2/2015) kết hôn năm 1967. Khi mới kết ông Th và bà T sống ở xã N vì lúc đó ông Th hoạt động cách mạng. Đến năm 1972, cha ông Th mất thì mẹ ông Th mới kêu ông Th và bà T về ở chung tại ấp M, xã M. Bà và ông Th có hai người con chung là Cao Phi H và Cao Thị N, do ông Th làm cách mạng nên các con đều khai sinh theo họ của bà T. Bà và ông Th cùng các con sống tại ấp M từ năm 1972 đến năm 1994. Sau đó, bà T và ông Th phát sinh mâu thuẫn. Năm 1994, bà T bỏ về nhà mẹ ở xã N sống ly thân với ông Th. Sau khi sống ly thân với ông Th từ năm 1994, bà Cao Thị T không tái giá nên không có thêm bất kỳ người con ruột nào. Bà Cao Thị T khẳng định bà chỉ có 01 đời chồng là Đặng Thành Th và hai người con ruột là Cao Phi H và Cao Thị N. Mẹ của bà T có nhận 02 người cháu nuôi là Lê Cao P và Cao Thị Th là con của người bà con (họ hàng bên ngoại), hai người này bà T xem như là con nuôi nên gọi bà T là mẹ, ngoài hai người con nuôi này, bà T cũng không có thêm bất kỳ người con nuôi nào khác. Trong thời gian ông Th và bà T chung sống thì mẹ ông Th có cho vợ chồng bà một phần đất vườn diện tích 4.598 m^2 gồm thửa 259 có diện tích 2.400 m^2 (loại đất LNK) và thửa 262 có diện tích 2.198 m^2 (loại đất 2L) và hai căn nhà trên đất thuộc tờ bản đồ số 8 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00609 do UBND thành phố Cần Thơ cấp ngày 15/11/1993 đứng tên ông Đặng Thành Th. Đất tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện P, thành phố Cần Thơ. Sau khi ông Th chết, bà T phát hiện ông Th đã tách đất là phần tài sản chung của ông bà cho vợ sau là bà X và con nuôi của ông Th là bà Ng mà không có ý kiến của bà. Bà N yêu cầu chia thừa kế phần tài sản chung của bà T và ông Th, cụ thể là bà N nhận ½ diện tích đất 4.450 m^2 và một kỷ phần thừa kế từ di sản của ông Th chia theo pháp luật. Bà yêu cầu chia thừa kế là đất, không tranh chấp nhà.

Đại diện theo ủy quyền của ông K – luật sư N:

Ông K yêu cầu được nhận nền nhà có diện tích 120 m^2, ngang 6 mét dài 20 mét như thỏa thuận trong Giấy thỏa thuận "V/v chuyển quyền sử dụng đất" ngày 25/11/2007. Ông K yêu cầu được nhận đất ở vị trí ngay cạnh vị trí đất mà ông H được nhận khi chia thừa kế vì muốn cha con liền một dải cho dễ sử dụng. Tuy nhiên tại phiên tòa ông K yêu cầu nhận đất ngay vị trí như trong giấy thỏa thuận và bao gồm luôn ngôi mộ. Giữ nguyên vị trí ngôi mộ, không cần di dời đi đâu.

Ông Vũ Thành N: Thống nhất với phần trình bày của bà Ng và bà X.

Ông Ngô Trọng P: Phần đất thửa 186 (thửa cũ là 262 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Th) diện tích 2.173 m^2 nay thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03406 là do ông nhận chuyển nhượng hợp pháp của bà

Ng và ông N. Ông đã được Ủy ban nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 11/12/2015. Hiện nay phần đất này đã thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông và ông không có yêu cầu gì.

Bà Nguyễn Thùy M: Vào năm 2005, ông Th có tách cho bà M phần đất có diện tích 640 m^2 tại thửa 259 loại đất CLN giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00609 đứng tên ông Đặng Thành Th do UBND thành phố Cần Thơ cấp ngày 15/11/1993 là do mẹ của bà và ông Th là bà Huỳnh Thị Đ (đã chết) có cho ông Đặng Thành Th một phần đất để cất nhà nhưng lúc cho thì ông Th đã cất nhà trước rồi. Do là anh em trong nhà nên bà M đồng ý đổi đất với ông Th để thuận tiện cho ông Th làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và canh tác chứ không có mua bán chuyển nhượng gì. Việc chia thừa kế giữa nguyên đơn và bị đơn bà không có ý kiến gì.

Các đương sự đều thống nhất với kết quả đo đạc, định giá ngày 26/02/2016 của Hội đồng đo đạc định giá.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 23/2018/DS-ST ngày 15/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện P tuyên xử như sau: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn Cao Phi H, Cao Thị N. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Cao Thị T. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đặng Quốc K.

1. Giao cho bà Cao Thị N (tại vị trí số 1) phần đất có diện tích 133 m^2 (loại đất CLN); có tứ cận như sau: hướng đông giáp thửa 559, 554 cạnh dài 34 mét, hướng Tây giáp đất ông Cao Phi H (tại vị trí số 3) và ông Đặng Quốc K (tại vị trí số 4) cạnh dài 34 mét, hướng Nam giáp thửa 284 cạnh dài 4 mét, hướng bắc giáp đất bà Cao Thị N (tại vị trí số 2) cạnh dài 4 mét.

2. Giao cho bà Cao Thị T (tại vị trí số 2) phần đất có diện tích 133 m^2 (loại đất CLN); có tứ cận như sau: hướng đông giáp thửa 554 cạnh dài 34 mét, hướng Tây giáp đất ông Đặng Quốc Kh (tại vị trí số 4) và bà Trần Thị X (tại vị trí số 5) cạnh dài 34 mét, hướng Nam giáp đất bà Cao Thị N (tại vị trí số 1) cạnh dài 4 mét, hướng bắc giáp đất bà Trần Thị X (tại vị trí số 5) cạnh dài 5 mét.

3. Giao cho ông Cao Phi H tại (vị trí số 3) phần đất có diện tích 129 m^2 (loại đất CLN); có tứ cận như sau: hướng đông giáp đất của bà Cao Thị N (tại vị trí số 1) cạnh dài 22 mét, hướng Tây giáp đất bà Trần Thị X (tại vị trí số 5) cạnh dài 22 mét, hướng Nam giáp thửa 284 cạnh dài 6 mét, hướng bắc giáp đất bà Trần Thị X (tại vị trí số 5) cạnh dài 6 mét.

4. Giao cho ông Đặng Quốc K (tại vị trí số 4) phần đất có diện tích 117 m^2 (loại đất CLN); có tứ cận như sau: hướng đông giáp đất của bà Cao Thị N (tại vị trí

số 1) và bà Cao Thị T (tại vị trí số 2) cạnh dài 20 mét, hướng Tây giáp bà Cao Thị T (tại vị trí số 5) cạnh dài 20 mét, hướng Nam giáp đất ông Cao Phi H tại (vị trí số 3) cạnh dài 6 mét, hướng bắc giáp đất bà Trần Thị X (tại vị trí số 5) cạnh dài 6 mét.

5. Giao cho bà Trần Thị X (tại vị trí số 05) phần đất có diện tích 1.117 m^2 (loại đất CLN); có tứ cạnh như sau: Phần đất còn lại trong thửa 259, tờ bản đồ số 08 (thửa mới là 248, tờ bản đồ số 9) là của bà Trần Thị X.

Tất cả các phần đất trên đều thuộc thửa 259, tờ bản đồ số 08 (thửa mới là 248, tờ bản đồ số 9); giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00609 do UBND thành phố Cần Thơ (cũ) cấp ngày 15/11/1993 cho ông Đặng Thành Th; tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện P, thành phố Cần Thơ.

(Kèm theo mảnh trích đo địa chính số 75 - 2017 duyệt ngày 27/3/2017 của Chi nhánh văn phòng Đăng ký Đất đai huyện P, thành phố Cần Thơ; sơ đồ hiện trạng tách thửa 284).

Bà Trần Thị X và bà Đặng Thị Ng có nghĩa vụ giao các phần đất nêu trên cho ông H, bà N, bà T, ông K. Các đương sự liên hệ Cơ quan có thẩm quyền để điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Cây trồng trên đất các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Sau này sẽ được giải quyết thành vụ kiện khác khi các đương sự có yêu cầu.

6. Giao 01 căn nhà tại thửa thửa 354 (tách 248; thửa cũ là 258) thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00033 do UBND huyện P, thành phố Cần Thơ cấp ngày 13/12/2007 cho bà Đặng Thị Ng quản lý và sử dụng. Buộc bà Đặng Thị Ng trả cho các thừa kế nhận kỷ phần giá trị bằng tiền cụ thể như sau: trả cho ông Cao Phi H, bà Cao Thị T, bà Cao Thị N mỗi người số tiền 7.374.833 đồng (Bảy triệu ba trăm bảy mươi bốn ngàn tám trăm ba mươi ba đồng); trả cho bà Trần Thị X số tiền 44.249.000 đồng + (7.374.833 đồng x 2) = 58.998.666 đồng (Năm mươi tám triệu chín trăm chín mươi tám ngàn sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

7. Giao 01 căn nhà tại thửa 284 (thửa cũ là 259) thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00609 do UBND thành phố Cần Thơ (cũ) cấp ngày 15/11/1993 cho bà Trần Thị X quản lý và sử dụng. Buộc bà Trần Thị X trả cho các thừa kế nhận kỷ phần giá trị bằng tiền (đất và nhà) cụ thể như sau: trả cho ông Cao Phi H số tiền 6.371.083 đồng (Sáu triệu ba trăm bảy mươi mốt ngàn không trăm tám mươi ba đồng); trả cho bà Cao Thị N, Cao Thị T mỗi người số tiền 5.811.083 đồng (Năm triệu tám trăm mười một ngàn không trăm tám mươi ba đồng); trả cho bà Đặng Thị Ng số tiền là 7.631.083 đồng (Bảy triệu sáu trăm ba mươi mốt ngàn không trăm tám mươi ba đồng).

Buộc bà Đặng Thị Ng phải hoàn lại cho ông Đặng Quốc K số tiền 420.000 đồng (Bốn trăm hai mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 10% tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí thẩm định, định giá và án phí, cũng như quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm ngày 27/8/2018 nguyên đơn ông Cao Phi H, bà Cao Thị N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đặng Quốc K, bà Cao Thị T kháng cáo với yêu cầu chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Đương sự và Tòa án các cấp thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

- Về nội dung giải quyết vụ án: Sau khi phân tích nội dung án sơ thẩm và nội dung kháng cáo của nguyên đơn, những thiếu sót của cấp sơ thẩm trong quá trình giải quyết vụ án. Do những thiếu sót của cấp sơ thẩm cấp phúc thẩm không thể khắc phục, căn cứ qui định tại khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm, giao toàn bộ hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân huyện P giải quyết lại theo thủ tục chung.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viển kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét quan hệ pháp luật thì đây là vụ kiện "*Tranh chấp thừa kế*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Cấp sơ thẩm thụ lý và giải quyết là đúng theo khoản 5 Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông H, bà N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T, ông K trong hạn luật định và đúng quy định nên được xem xét giải quyết.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, yêu cầu xác định toàn bộ khối tài sản 4.598m^2 và các tài sản gắn liền trên đất là tài sản chung của ông Th và bà T; xác định ½ khối tài sản là di sản thừa kế của ông Th; yêu cầu được nhận phần đất ở đầu thửa 284 và căn nhà do bà X hiện đang quản lý.

[3] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm, yêu cầu xác định toàn bộ khối tài sản 4.598m^2 và các tài sản gắn liền trên đất là tài sản chung của bà và ông Th; xác định ½ khối tài sản là của bà, ½ là di sản thừa kế của ông Th; yêu cầu được chia thừa kế đối với di sản của ông Th và yêu cầu nhận phần đất ở đầu thửa 248.

Ông Đặng Quốc K kháng cáo yêu cầu được nhận đủ diện tích 120m² đất và yêu cầu được nhận đất tại đầu thửa 284. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4] *Về quan hệ hôn nhân của ông Th*: Ông Th và bà T sống chung từ năm 1967 có hai người con chung là ông Cao Phi H và bà Cao Thị N. Tuy nhiên, theo lời trình bày của bà X thì ông Th và bà T đã chấp dứt quan hệ hôn nhân từ trước năm 1975, bà T đã có chồng khác và có hai người con. Bà X và ông Th đã chung sống từ năm 1975, trước tiếp thu 15 ngày và đến năm 1994 thì đăng ký kết hôn. Tòa án cấp sơ thẩm xác định cả bà T và bà X đều thuộc hàng thừa kế thứ nhất là vi phạm về chế độ hôn nhân một vợ, một chồng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Việc thu thập cụ thể thời gian chung sống thực tế giữa ông Th và bà T tại thời điểm ông Th và bà X chung sống và đăng ký kết hôn, thực tế quan hệ hôn nhân giữa ông Th và bà T còn tồn tại hay chấm dứt để từ đó xác định đâu là quan hệ hôn nhân thực tế được công nhận theo qui định tại khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 là cần thiết cho việc giải quyết vụ án.

[5] Các đương sự đều thống nhất ông Th có con ruột là ông H, bà N, con nuôi là bà Ng. Theo quy định tại Điều 676 Bộ luật dân sự năm 2005 (do ông Th chết ngày 12/02/2015 nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005) những người thừa kế theo pháp luật ở hàng thứ nhất gồm: vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi.

[4] *Về di sản thừa kế:* Ông Th chết để lại phần đất có diện tích 4.598m^2 gồm thửa 259 tờ bản đồ số 8, diện tích 2.400m^2 thửa 262 có diện tích 2.198m^2 theo giấy chứng nhận QSDĐ số A461732 (số vào sổ 00609) ngày 15/11/1993 do UBND thành phố Cần Thơ (cũ) cấp cho ông Đặng Thành Th và hai căn nhà trên đất, anh chị em ông Th đều trình bày là của mẹ ông Th để lại cho vợ chồng ông Th và bà T từ năm 1973, trong đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất năm 1991 ghi nguồn gốc đất là "đất cha, mẹ cho''. Các anh, chị em ông Th trình bày vào năm 1992 – 1993

khi tổ chức đám cưới cho Cao Phi H thì lúc này ông Th và bà T vẫn còn chung sống với nhau. Do đó, cần làm rõ tại thời điểm ông Th được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1993 thực tế hôn nhân giữa ông Th và bà T còn tồn tại hôn nhân hay không để xác định di sản thừa kế cho phù hợp. Mặc khác, cấp sơ thẩm chưa làm rõ đối với đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất do bà X ký vào năm 1991 vì sao đơn đăng ký này ghi tên ông Th nhưng lại do bà X ký tên.

[5] Đối với thửa **258** diện tích 764m² theo giấy chứng nhận QSDĐ số H00033 cấp ngày 07/01/2005 cho ông Đặng Thành Th. Ngày 20/11/2007 ông Th lập thủ tục tặng cho QSD thửa đất này cho bà X và bà Ng. Ngày 13/12/2007 bà X và bà Ng được cấp giấy chứng nhận QSDĐ số H00033. Diện tích đất qua đo đạc thực tế là 648m². Thửa đất **258** là phần đất do ông Th chuyển đổi với phần đất đã tách chuyển cho bà M. Phần đất này không nằm trong thửa 259 và 262, tổng diện tích 4.598m^2 theo giấy chứng nhận QSDĐ số A461732 (số vào sổ 00609) ngày 15/11/1993 do UBND thành phố Cần Thơ (cũ) cấp cho ông Đặng Thành Th mà nguyên đơn và bà T đã yêu cầu chia thừa kế theo đơn khởi kiện và đơn yêu cầu độc lập. Các đương sự đưa ra yêu cầu chia thừa kế đối với thửa đất này sau khi tòa án tiến hành hòa giải ngày 23/5/2018 (BL 231) nên yêu cầu này là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu. Tòa án cấp sơ thẩm đã có sự nhầm lẫn khi nhận định diện tích 648m² tại thửa **258** là phần đất nằm trong tổng diện tích 4.598m^2 thuộc thửa 259 và 262 nguyên đơn và bà T đã yêu cầu chia.

[6] Xét kháng cáo của ông Đặng Quốc K: Ông không đồng ý với Bản án sơ thẩm mà yêu cầu bị đơn tách phần đất diện tích 120m² tại thửa 258 như giấy thỏa thuận ngày 25/11/2007, giữa ông Th, bà X, bà Ng. Phía bị đơn đồng ý tách diện tích 120m² tại thửa 258 (nay là thửa 354) cho ông K, tuy nhiên, phần đất này hiện nay đã chôn ông Th nên diện tích không còn đủ 120m², phía bị đơn đồng ý tách ở vị trí khác (vẫn tại thửa 354) cho ông K để đủ diện tích 120m². Yêu cầu này cần được cấp sơ thẩm làm rõ để đảm bảo cho việc Thi hành án sau này.

Những thiếu sót nêu trên Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục nên Viện kiểm sát đề nghị hủy bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm không ai phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1/ Hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 23/2018/DS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ giữa nguyên đơn ông Cao Phi H, bà Cao Thị N với bị đơn bà Đặng Thị Ng, bà Trần Thị X.

Giao hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục chung.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác: sẽ được giải quyết khi xét xử sơ thẩm lại.

3/ Án phí dân sự phúc thẩm: không ai phải chịu, ông Cao Phi H, bà Cao Thị N, bà Cao Thị T, ông Đặng Quốc K mỗi người được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo các biên lai thu số 005488, 005487, 005485, 005486 ngày 27/8/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

4/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trương Hoài Bình

Nơi nhận **:**
- Đương sự;
- VKSNDTPCT;
- TAND H. P;
- THA DS H. P;
- Lưu (2b).